

UBND TỈNH YÊN BÁI
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 511 /QĐ-SYT

Yên Bái, ngày 04 tháng 1 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt (lần đầu) danh mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư 43/2013/TT- BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế áp dụng tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái.

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH YÊN BÁI.

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;
Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT- BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 21/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Y tế tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh Yên Bái về việc thành lập Bệnh viện Sản - Nhi trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở tổ chức lại Khoa Sản, Khoa Nhi của Bệnh viện đa khoa tỉnh và Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc xếp hạng đối với 03 đơn vị sự nghiệp y tế trong đó có xếp hạng đối với Bệnh viện Sản - Nhi;

Xét đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật tại tờ trình số 37/TTr-BV ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Bệnh viện Sản - Nhi và hồ sơ gửi kèm; Đề nghị của Chủ tịch Hội đồng chuyên môn và Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế Yên Bái,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt (lần đầu) danh mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư 43/2013/TT- BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế áp dụng tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái, gồm:

Tổng số danh mục kỹ thuật phê duyệt: 2.359 kỹ thuật.

Trong đó: Kỹ thuật cùng tuyến: 2.354 Kỹ thuật:

Kỹ thuật vượt tuyến: 5 Kỹ thuật:

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

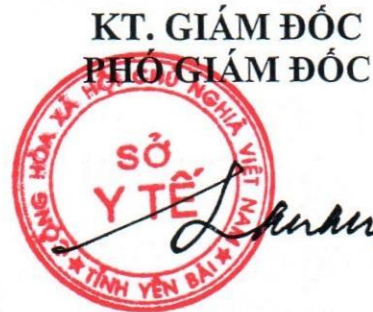
Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo đúng danh mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt và đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Trưởng các phòng chuyên môn Sở Y tế có nhiệm vụ kiểm tra giám sát Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BGD Sở Y tế;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Lưu: NVY, VT.



Trần Lan Anh



MỤC LỤC
DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN
PHÊ DUYỆT LẦN ĐẦU TẠI BỆNH VIỆN SẢN - NHI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 511/QĐ-SYT ngày 04. Tháng 10. năm 2016
của Sở Y tế tỉnh Yên Bái)

STT	TÊN MỤC KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG KỸ THUẬT TỪNG TUYỂN		TỔNG SỐ KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
		TRONG TUYỂN	TUYỂN TRÊN	
1	HỘI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	129		129
2	NỘI KHOA			
3	NHI KHOA	1005		1005
4	LAO (NGOẠI LAO)			
5	DA LIỄU			
6	TÂM THẦN			
7	NỘI TIẾT			
8	Y HỌC CỔ TRUYỀN			
9	GÂY MỀ HỘI SỨC	542		542
10	NGOẠI KHOA			
11	BÔNG			
12	UNG BƯỚU	29		29
13	PHỤ SẢN	219	4	223
14	MẮT			
15	TAI - MŨI - HỌNG			
16	RĂNG - HÀM - MẶT			
17	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG			
18	ĐIỆN QUANG	151	1	152
19	Y HỌC HẠT NHÂN			
20	NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP			
21	THĂM ĐO CHỨC NĂNG			
22	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	84		84
23	HÓA SINH	87		87
24	VI SINH	66		66
25	GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC	22		22
26	VI PHẪU			
27	PHẪU THUẬT NỘI SOI	20		20
28	TẠO HÌNH - THẨM MỸ			
	Tổng cộng	2.354	5	2.359

Số: 204 /QĐ-SYT

Yên Bái, ngày 26 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt (bổ sung lần 1) danh mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư 43/2013/TT- BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế áp dụng tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái.

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH YÊN BÁI.

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT- BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh Yên Bái về việc thành lập Bệnh viện Sản - Nhi trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở tổ chức lại Khoa Sản, Khoa Nhi của Bệnh viện đa khoa tỉnh và Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh;

Xét đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật tại tờ trình số 17/TTr-BVSN ngày 20 tháng 04 năm 2017 của Bệnh viện Sản - Nhi và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng chuyên môn và Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế Yên Bái,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt (bổ sung lần 1) danh mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư 43/2013/TT- BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế áp dụng tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái, gồm:

Tổng số danh mục kỹ thuật phê duyệt: 605 kỹ thuật.

Trong đó: Kỹ thuật cùng tuyến: 546 kỹ thuật;

Kỹ thuật vượt tuyến: 59 kỹ thuật;

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo đúng danh

mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt và đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Trưởng các phòng chuyên môn Sở Y tế có nhiệm vụ kiểm tra giám sát Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BGĐ Sở Y tế;
- Các phòng CM Sở;
- Lưu: NVY, VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Lan Anh

MỤC LỤC
DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN PHÊ DUYỆT BỔ SUNG LẦN 1
TẠI BỆNH VIỆN SẢN NHI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 204/QĐ-SYT ngày 26 tháng 4 năm 2017
của Sở Y tế tỉnh Yên Bái)

STT	TÊN MỤC KỸ THUẬT	DANH MỤC KỸ THUẬT		TỔNG SỐ KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
		Trong tuyển	Vượt tuyển	
1	HÔI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	2		2
2	NỘI KHOA	1		1
3	NHI KHOA	193	57	250
4	LAO (NGOẠI LAO)			
5	DA LIỄU			
6	TÂM THẦN			
7	NỘI TIẾT			
8	Y HỌC CỔ TRUYỀN			
9	GÂY MÊ HÔI SỨC			
10	NGOẠI KHOA			
11	BÔNG	80		80
12	UNG BƯỚU			
13	PHỤ SẢN			
14	MẮT			
15	TAI - MŨI - HỌNG			
16	RĂNG - HÀM - MẶT			
17	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG			
18	ĐIỆN QUANG	4		4
19	Y HỌC HẠT NHÂN			
20	NỘI SOI CHÂN ĐOÁN, CAN THIỆP	31		31
21	THĂM DÒ CHỨC NĂNG			
22	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	40		40
23	HÓA SINH	5	2	7
24	VI SINH	7		7
25	GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC			
26	VI PHẪU			
27	PHẪU THUẬT NỘI SOI			
28	TẠO HÌNH - THẨM MỸ	183		183
	Tổng cộng	546	59	605

(Handwritten signature)

HCC
UBND TỈNH YÊN BÁI
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 390/QĐ-SYT

Yên Bái, ngày 01 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt (bổ sung lần 3) danh mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật áp dụng tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái.

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH YÊN BÁI.

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT- BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh Yên Bái về việc thành lập Bệnh viện Sản - Nhi trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở tổ chức lại Khoa Sản, Khoa Nhi của Bệnh viện đa khoa tỉnh và Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh;

Xét đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật tại tờ trình số 211/TTr-BVSN ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Bệnh viện Sản - Nhi và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng chuyên môn và Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế Yên Bái,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt (bổ sung lần 3) danh mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật áp dụng tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái, gồm:

Tổng số danh mục kỹ thuật phê duyệt: 68 kỹ thuật.

Trong đó: Kỹ thuật cùng tuyến: 55 kỹ thuật:

Kỹ thuật vượt tuyến: 13 kỹ thuật:

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo đúng danh mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt và đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Trưởng các phòng chuyên môn Sở Y tế có nhiệm vụ kiểm tra giám sát Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đơn vị có tên tại điều 1;
- BGĐ Sở Y tế;
- Các phòng CM Sở;
- Lưu: NVY, VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Trần Lan Anh

**DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN
BỔ SUNG LẦN 3 ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI
BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH YÊN BÁI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 390/QĐ-SYT ngày 01 tháng 8 năm 2018
của Sở Y tế Yên Bái)

T T	DMK T TT/ 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC						
1	4	Chọc hút kim nhỏ gan dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
2	5	Chọc hút kim nhỏ gan dưới hướng dẫn của CT. Scan	X			
3	6	Chọc hút kim nhỏ lách dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
4	8	Chọc hút kim nhỏ lách dưới hướng dẫn của CT. Scan	x	x		
5	9	Chọc hút kim nhỏ gan dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
6	10	Chọc hút kim nhỏ gan không dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
7	11	Chọc hút kim nhỏ tụy dưới hướng dẫn của CT. Scan	x	x		
8	12	Chọc hút kim nhỏ tụy dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
9	16	Chọc hút kim nhỏ màng tinh, tinh hoàn không dưới hướng dẫn của siêu âm	X			
10	17	Chọc hút kim nhỏ tổn thương trong ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm	X			
11	18	Chọc hút kim nhỏ các tổn thương hốc mắt	X			
12	24	Tế bào học dịch chái phế quản	x	x		
13	25	Tế bào học dịch rửa phế quản	x	x		
14	28	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm súc vật thực nghiệm	X			
15	29	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm từ thiết	x	x		
16	30	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm sinh thiết	x	x	x	
17	31	Phẫu tích các loại bệnh phẩm làm xét nghiệm mô bệnh học	x	x	x	
18	32	Quy trình nhuộm đỏ Congo kiểm (theo Puchtler 1962)	x	x		
19	33	Nhuộm lipit trung tính và axit bằng sulfat xanh lơ Nil theo Dunnigan	x	x		
20	34	Nhuộm lipit trung tính và axit bằng sulfat xanh lơ Nil theo Menschick	x	x		
21	35	Nhuộm PAS Periodic Acid Schiff	x	x		
22	36	Nhuộm xanh alcian	x	x		
23	38	Nhuộm ba màu theo phương Nhuộm 3 màu của Masson (1929)	x	x		
24	39	Nhuộm đa màu theo Lillie (1951)	x	x		

T T	DMK T TT/ 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
25	40	Nhuộm May – Grunwald- Giemsa cho tủy xương	x	x		
26	41	Nhuộm theo phương pháp Custer cho các mảnh cắt của tủy xương	x	x		
27	42	Nhuộm theo phương pháp Schmorl cho các mảnh cắt của tủy xương	x	x		
28	43	Nhuộm Soudan III hoặc IV hoặc Oil Red O trong dung dịch Ethanol	x	x		
29	44	Nhuộm Oil Red O trong cồn isopropylic	x	x		
30	45	Nhuộm đen Soudan B trong diacetyl	x	x		
31	46	Nhuộm đen Soudan B hoà tan trong propylen-glycol	x	x		
32	47	Nhuộm đen Soudan B hoà tan trong ethanol – glycol	x	x		
33	48	Nhuộm lipid trung tính và axit bằng sulfat xanh lơ Nil theo Cain.	x	x		
34	49	Nhuộm Grocott	x	x		
35	50	Nhuộm xanh Phổ Perl phát hiện ion sắt	x	x		
36	51	Nhuộm bạc Warthin – Stary phát hiện Helicobacter pylori	x	x		
37	52	Nhuộm Fer Colloidal de Hale (cải biên theo Muller và Mowry)	x	x		
38	53	Nhuộm sắt cao	x	x		
39	54	Nhuộm Gomori cho sợi võng	x	x		
40	55	Nhuộm aldehyde fuchsin cho sợi chun	x	x		
41	56	Nhuộm phát hiện adenosine triphosphatase (ATPase)	x	x		
42	57	Nhuộm Orcein cải biên theo Shikata phát hiện kháng nguyên HBsAg	x	x		
43	58	Nhuộm Orcein phát hiện kháng nguyên viêm gan B (HBSAg) trong mô gan	x	x		
44	59	Nhuộm Giemsa trên mảnh cắt mô phát hiện HP	x	x		
45	61	Nhuộm hóa mô miễn dịch cho mỗi một dấu ấn	x	x		
46	62	Nhuộm miễn dịch huỳnh quang gián tiếp phát hiện kháng nguyên	x	x		
47	63	Nhuộm miễn dịch huỳnh quang trực tiếp phát hiện kháng nguyên	x	x		
48	64	Nhuộm miễn dịch huỳnh quang gián tiếp phát hiện kháng thể	x	x		
49	65	Nhuộm ức chế huỳnh quang phát hiện kháng thể	x	x		
50	66	Nhuộm kháng bổ thể huỳnh quang phát hiện kháng thể	x	x		
51	67	Nhuộm Shorr	x	x		
52	68	Nhuộm Glycogen theo Best	x	x		
53	69	Nhuộm PAS kết hợp xanh Alcian	x	x		
54	70	Nhuộm phát hiện Phosphatase kiềm	x	x		
55	71	Nhuộm Gomori chỉ phát hiện phosphatase acid	x	x		
56	72	Nhuộm Mucicarmin	x	x		

T T	DMK T TT/ 43	 DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
57	78	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep	x	x		
58	79	Cell bloc (khối tế bào)	x	x		
59	80	Xét nghiệm FISH	X			
60	81	Xét nghiệm SISH	X			
61	82	Xét nghiệm giải trình tự chuỗi DNA trên khối paraffin	X			
62	83	Xét nghiệm PCR	X			
63	84	Xét nghiệm lai tại chỗ gắn màu (CISH)	X			
64	85	Xét nghiệm lai tại chỗ gắn bạc hai màu (Dual-ISH)	X			
65	86	Xét nghiệm giải trình tự gen	X			
66	87	Nuôi cấy tế bào	X			
67	88	Xét nghiệm nhiễm sắc thể đồ	x	x		
68	90	Xét nghiệm sinh thiết tức thì bằng cắt lạnh	x	x		

UBND TỈNH YÊN BÁI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 224/QĐ-SYT

Yên Bái, ngày 28 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc **Phê duyệt (bổ sung lần 4) danh mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật áp dụng tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái.**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh Yên Bái về việc thành lập Bệnh viện Sản - Nhi trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở tổ chức lại Khoa Sản, Khoa Nhi của Bệnh viện đa khoa tỉnh và Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh;

Xét đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật tại tờ trình số 109/TTr-BVSN ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Bệnh viện Sản - Nhi và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng chuyên môn và Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế Yên Bái.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt (bổ sung lần 4) danh mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật áp dụng tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái, gồm:

Tổng số danh mục kỹ thuật phê duyệt: 100 kỹ thuật.

Trong đó: Kỹ thuật cùng tuyến: 100 kỹ thuật:

Kỹ thuật vượt tuyến: 0 kỹ thuật:

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo đúng danh mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt và đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.


Điều 3. Trưởng các phòng chuyên môn Sở Y tế có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BGĐ Sở Y tế;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Các phòng CM Sở;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: NVY, VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Lan Anh

PHỤ LỤC

**DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN CÙNG TUYỂN
PHÊ DUYỆT BỔ SUNG LẦN 4 CHO PHÉP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
TẠI BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH YÊN BÁI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24/QĐ-SYT ngày 28 tháng 4 năm 2020
của Sở Y tế Yên Bái)



S TT	TT THEO TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
1	2	3	4			
XV. TAI - MŨI - HỌNG						
A. TAI - TAI THẦN KINH						
1	33	Phẫu thuật mở hòm nhĩ kiểm tra/ lấy dị vật	x	x	x	
2	34	Vá nhĩ đơn thuần	x	x	x	
3	35	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	x	x	x	
4	36	Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ	x	x		
5	47	Cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x	
6	48	Đặt ống thông khí màng nhĩ	x	x	x	
7	49	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	x	x	x	
8	50	Chích rạch màng nhĩ	x	x	x	
9	51	Khâu vết rách vành tai	x	x	x	
10	52	Bơm hơi vòi nhĩ	x	x	x	
11	53	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	x	x	x	
12	54	Lấy dị vật tai (gậy mê/ gậy tê)	x	x	x	
13	55	Nội soi lấy dị vật tai gậy mê	x	x	x	
14	56	Chọc hút dịch vành tai	x	x	x	x
15	57	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	x
16	58	Làm thuốc tai	x	x	x	x
17	59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	x	x	x	x
B. MŨI-XOANG						
18	80	Cắt Polyp mũi	x	x	x	
19	81	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	x	x	x	
20	86	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh/u nang sàn mũi	x	x	x	
21	90	Phẫu thuật mở cạnh mũi	x	x		
22	91	Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang	x	x		
23	97	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	x	x		
24	98	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang	x	x	x	
25	99	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	x	x	x	
26	100	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi bằng Laser	x	x		
27	104	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	x	x	x	
28	105	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới	x	x	x	
29	106	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	x	x	x	
30	109	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới	x	x	x	
31	112	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn	x	x	x	

68

S TT	TT THEO TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			4			
1	2	3	A	B	C	D
32	113	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	x	x		
33	130	Đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x	
34	131	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x	
35	132	Bê cuốn mũi	x	x	x	
36	133	Nội soi bê cuốn mũi dưới	x	x	x	
37	134	Nâng xương chính mũi sau chấn thương	x	x	x	
38	135	Sinh thiết hốc mũi	x	x	x	
39	136	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	x	x	x	
40	137	Nội soi sinh thiết u vòm	x	x	x	
41	138	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x	
42	139	Phương pháp Proetz	x	x	x	
43	140	Nhét bắc mũi sau	x	x	x	
44	141	Nhét bắc mũi trước	x	x	x	
45	142	Cầm máu mũi bằng Merocel	x	x	x	
46	143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
47	144	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
48	145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)	x	x	x	x
		C. HỌNG-THANH QUẢN				
49	148	Phẫu thuật chỉnh hình họng màn hầu lưỡi gà (UPPP)	x	x		
50	149	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê	x	x	x	
51	150	Phẫu thuật cắt amidan bằng Coblator	x	x	x	
52	151	Phẫu thuật cắt u Amydal	x	x		
53	152	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amygdale (gây mê)	x	x	x	
54	153	Nạo VA	x	x	x	
55	154	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản	x	x	x	
56	155	Phẫu thuật nạo V.A nội soi	x	x		
57	156	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Coblator (gây mê)	x	x	x	
58	157	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Microdebrider (Hummer) (gây mê)	x	x	x	
59	158	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)	x	x		
60	159	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/ hó lưỡi thanh thiệt	x	x		
61	194	Phẫu thuật cắt u sàn miệng	x	x	x	
62	195	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má	x	x	x	
63	196	Phẫu thuật cắt u lưỡi (phần lưỡi di động)	x	x		
64	201	Phẫu thuật Laser điều trị Amygdale hốc mũi	x	x		
65	202	Phẫu thuật Laser cắt u nang lành tính đáy lưỡi, hạ họng, màn hầu, Amygdale	x	x		
66	203	Nội soi cầm máu sau phẫu thuật vùng hạ họng, thanh quản	x	x		
67	206	Chích áp xe sàn miệng	x	x	x	
68	207	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x	

S TT	TT THEO TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
1	2	3	4			
69	208	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA	x	x	x	
70	209	Cắt phanh lưỡi	x	x	x	
71	210	Sinh thiết u hạ họng	x	x	x	
72	211	Sinh thiết u họng miệng	x	x	x	
73	212	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x
74	213	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
75	214	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	x	x	x	
76	215	Đốt họng hạt bằng nhiệt	x	x	x	x
77	218	Bơm thuốc thanh quản	x	x	x	
78	222	Khí dung mũi họng	x	x	x	x
79	223	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	x	x	x	
80	228	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
81	229	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê	x	x	x	
82	241	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê	x	x	x	
83	243	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê	x	x	x	
		D. ĐẦU CỔ				
84	301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	x	x	x	x
85	302	Cắt chỉ sau phẫu thuật	x	x	x	x
86	303	Thay băng vết mổ	x	x	x	x
87	304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	x	x	x	x
		Đ. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ				
88	358	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài (ác tính)	x	x		
89	359	Phẫu thuật cắt Amidan bằng Plasma	x	x	x	
90	360	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Plasma (gây mê)	x	x	x	
91	361	Phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	x	x		
92	363	Cắt phanh lưỡi (gây mê)	x	x	x	x
93	368	Trích áp xe vùng đầu cổ	x	x	x	x
94	396	Đo ABR (1 lần)	x	x		
95	397	Đo AOE (1 lần)	x	x		
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU						
1	149	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
XXIII. HÓA SINH						
1	24	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	x	x		
2	39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	x	x		
3	228	Định lượng CRP	x	x	x	
4	244	Phản ứng CRP	x	x	x	

Số: 391/QĐ-SYT

Yên Bái, ngày 07 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH**Về việc Phê duyệt (bổ sung lần 5) danh mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật áp dụng tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái.****GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH YÊN BÁI**

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh Yên Bái về việc thành lập Bệnh viện Sản - Nhi trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở tổ chức lại Khoa Sản, Khoa Nhi của Bệnh viện đa khoa tỉnh và Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh;

Xét đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật tại tờ trình số 210/TTr-BVSN ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bệnh viện Sản - Nhi và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng chuyên môn và Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế Yên Bái.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt (bổ sung lần 5) danh mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật áp dụng tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái, gồm:

Tổng số danh mục kỹ thuật phê duyệt: 10 kỹ thuật.

Trong đó: Kỹ thuật cùng tuyến: 6 kỹ thuật:

Kỹ thuật vượt tuyến: 4 kỹ thuật:

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

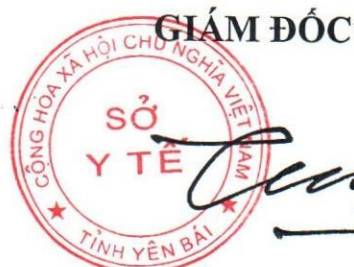
Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo đúng danh mục phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt và đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Trưởng các phòng chuyên môn Sở Y tế có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BGD Sở Y tế;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Các phòng CM Sở;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: NVY, VT.



Nguyễn Văn Tuyên

Phụ lục

**DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN CÙNG TUYỂN
PHÊ DUYỆT BỔ SUNG LẦN 5 CHO PHÉP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
TẠI BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH YÊN BÁI**



(Ban hành kèm theo Quyết định số 391/QĐ-SYT ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Sở Y tế Yên Bái)

STT	TT THEO TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			4			
1	2	3	A	B	C	D
XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG						
Đ. TAI MŨI HỌNG						
1	64	Đo nhĩ lượng	x	x		
2	65	Đo phản xạ cơ bàn đạp	x	x		
3	66	Đo âm ốc tai (OAE) chẩn đoán	x	x		
4	69	Đo âm ốc tai (OAE) sàng lọc	x	x	x	
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU						
C. TẾ BÀO HỌC						
5	122	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn (có nhuộm tiêu bản tự động)	x			
Đ. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC						
6	352	Điện di huyết sắc tố	x	x	x	
XXIII. HÓA SINH						
7	12	Định lượng AMH (Anti- Mullerian Hormone)	x			
8	39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	x	x		
9	85	Định lượng HE4	x			
10	144	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen)	x			